TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST
Ngày: 24 – 4 – 2026
V/V Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hoa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thẩm

2. Bà Phan Kim Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liệu Linh – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 464/2025/TLST – DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Hữu T, sinh ngày 19/06/1960; Căn cước công dân số 079060008654 do Cục C về TTXH cấp ngày 29/11/2021; Nơi thường trú: A T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: H T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0903.805.432 – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/09/1983; Căn cước công dân số 040083029364 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/04/2022; Nơi thường trú tại thời điểm giao dịch vay tài sản: Phòng 1504, Chung cư G, khối I L, phường T, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú hiện nay: Nhà số E, ngõ D, đường C, khối A L, phường T, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0966.790.789 - 0354.918.639 – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Hồ Hữu T *trình bày:* Ông Hồ Hữu T và ông Nguyễn Văn H có quan hệ là bạn bè. Ông H kinh doanh xuất nhập khẩu, mua bán gỗ. Khoảng tháng 11 năm 2022, ông H có trao đổi với ông T rằng ông H có mua một lô gỗ ở Lào nhưng hiện nay còn thiếu một số tiền phí để làm thủ tục và nộp phí nhập khẩu để nhập lô gỗ mua từ Lào về và đã đặt vấn đề vay ông Tỷ số

tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Từ chỗ quen biết và thấy ông H có pháp nhân kinh doanh, mua bán gỗ là có thật nên ông T đã đồng ý cho ông H mượn số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Quá trình thỏa thuận vay tiền thì hai bên chỉ trao đổi bằng miệng, nhắn tin qua zalo với nhau mà không lập thành văn bản. Khi vay, vì nghĩ là bạn bè chơi với nhau nên hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất cũng như không thỏa thuận gì về thời hạn trả. Ngày 16/11/2022, ông T đã chuyển khoản cho ông H thành 02 lần, mỗi lần 400.000.000 đồng, tổng số tiền ông T chuyển khoản cho ông H vay là 800.000.000 đồng với nội dung chuyển khoản "Cho mượn nộp phí nhập gỗ" vào tài khoản do ông H chỉ định, cụ thể: Chủ tài khoản: Nguyễn Văn H; Số Tài khoản: 0966790789; Ngân hàng: Ngân hàng TMCP S (S1).

Số tiền này, ông H đã nhận đủ và có xác nhận. Ông H cam kết sẽ hoàn trả lại cho ông T khi ông T có yêu cầu. Khoảng tháng 4 năm 2023, do kinh tế khó khăn ông T đã điện thoại và nhắn tin để yêu cầu ông H hoàn trả lại số tiền đã vay. Tuy nhiên, ông H với nhiều lý do khác nhau không thanh toán cho ông T theo thoả thuận. Ông T đã nhiều lần, bằng nhiều hình thức để đòi lại khoản tiền đã cho ông H vay nhưng cho đến nay ông H vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó, buộc ông T phải đi vay tiền và trả lãi cho người khác gây thiệt hại cho ông T và cả gia đình.

Nhận thấy, ông H bội tín và đã gây khó khăn về tài chính, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền đã vay là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2026 với lãi suất 10%/năm theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể: 800.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) x 28 tháng = 186.666.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Hồ Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền gốc và lãi là: 800.000.000 đồng + 186.666.000 đồng = 986.666.000 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không cử người đại diện tham gia làm việc và cũng không gửi bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì phản đối lại yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh xác định được ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/09/1983; Căn cước công dân số 040083029364 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/04/2022; Nơi thường trú từ ngày 29/7/2019 đến ngày 29/12/2025: Phòng 1504, Chung cư G, khối I L, phường T, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú từ ngày

30/12/2025 cho đến nay: Nhà số E, ngõ D, đường C, khối A L, phường T, tỉnh Nghệ An, có vợ là Hoàng Thị T1, hiện đang có nhà ở và sinh sống tại Nhà số E, ngõ D, đường C, khối A L, phường T, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể xem xét ý kiến, nguyện vọng của ông Nguyễn Văn H được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên toà hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tống đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền lãi tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2026 là 186.666.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Hồ Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/09/1983; Căn cước công dân số 040083029364 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/04/2022; Nơi thường trú tại thời điểm giao dịch vay tài sản: Phòng 1504, Chung cư G, khối I L, phường T, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú hiện nay: Nhà số E, ngõ D, đường C, khối A L, phường T, tỉnh Nghệ An phải trả lại số tiền đã vay nên đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 04/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An thụ lý vụ án dân sự giữa nguyên đơn ông Hồ Hữu T và bị đơn ông Nguyễn Văn H. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Nguyễn Văn H theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu này, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp bản in các tin nhắn qua mạng internet "zalo"; vi bằng về việc ghi nhận tin nhắn qua mạng internet "zalo" trao đổi giữa ông T với ông H về nội dung vay tiền, chuyển tiền và yêu cầu trả tiền vay; bản sao kê chuyển khoản số tiền vay tại ngân hàng để chứng minh cho việc ông T cho ông H vay số tiền 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng) với mục đích để ông H nộp phí mua gỗ.

Theo Nguyên đơn trình bày thì do có mối quan hệ bạn bè, biết ông Nguyễn Văn H có kinh doanh xuất nhập khẩu, mua bán gỗ nên vào tháng 11 năm 2022, ông Nguyễn Văn H đặt vấn đề vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để nộp phí nhập lô gỗ mua từ Lào về thì ông Hồ Hữu T tin tưởng và đồng ý cho vay. Tuy nhiên, việc ông T cho ông H vay số tiền trên được xác lập qua tin nhắn, điện thoại qua mạng internet "zalo" (dữ liệu điện tử). Theo thỏa thuận qua điện thoại, ngày 16/11/2022 ông T đã chuyển khoản hai lần vào tài khoản do ông H chỉ định là tài khoản số 0966790789 mang tên Nguyễn Văn H được mở tại Ngân hàng S (S1). Mỗi lần chuyển khoản là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Tổng hai lần chuyển khoản thì ông T đã chuyển khoản cho ông H mượn số tiền 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng chẵn). Số tiền này, Ông H đã nhận đủ và có xác nhận bằng tin nhắn qua mạng internet "zalo" (dữ liệu điện tử).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù, việc vay mượn tiền giữa ông Hồ Hữu T và ông Nguyễn Văn H không lập thành văn bản mà chỉ trao đổi bằng miệng và qua tin nhắn mạng internet "zalo" (dữ liệu điện tử đã được lập Vi bằng). Nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ xác minh tại Ngân hàng TMCP S thì được Ngân hàng cung cấp xác nhận: Ngày 16/11/2022 ông Hồ Hữu T có chuyển 02 lần liên

tiếp (Lần 1: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Lần 2: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) từ tài khoản số 0254002687408 mang tên Hồ Hữu T mở tại Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch chợ L đến tài khoản số 0966790789 mang tên Nguyễn Văn H (Sinh ngày 06/9/1983; Số CCCD 040083029364; Địa chỉ: khối I, L, thành phố V, tỉnh Nghệ An) mở tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ với nội dung chuyển tiền: "Cho muon nop phi nhap go". Xét tài liệu Ngân hàng TMCP S cung cấp phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, có cơ sở để khẳng định ông Nguyễn Văn H vay ông Hồ Hữu T số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để nộp phí nhập gỗ là có thật. Căn cứ vào Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định giao dịch dân sự vay tài sản giữa ông Hồ Hữu T và ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét, khi xác lập giao dịch dân sự cho vay mượn tiền, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và không thỏa thuận về thời hạn trả mà chỉ ngầm hiểu khi nào ông T yêu cầu thì ông H sẽ hoàn trả số tiền vay. Do đó đây là giao dịch dân sự cho vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn thì : "1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thoả thuận khác". Ông Hồ Hữu T đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ nhưng ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên ông Hồ Hữu T có quyền khởi kiện. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; hình thức, nội dung không trái với các quy định của pháp luật nên các thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật với các bên đã giao kết. Ông Nguyễn Văn H là người vay tiền nên có nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án ông H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình; đồng thời cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì về việc trả nợ cho đến ngày xét xử. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ số tiền gốc 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tiền lãi: Ông Hồ Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền lãi từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử 24/4/2026 với lãi suất 10%/năm:

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là giao dịch dân sự cho vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Các bên đương sự cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện có sự thỏa thuận khác về thời hạn trả cũng như về trả lãi đối với nợ gốc quá hạn. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay mặc dù ông Hồ Hữu T đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả nợ nhưng ông H vẫn trốn tránh không thanh toán nợ cho ông Hồ Hữu T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 6

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "Thời gian chậm trả" được xác định như sau:

"a) Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì "thời gian chậm trả" nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo;....

c) Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác".

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ thì thấy rằng, ông Hồ Hữu T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin qua zalo yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả nợ và được ông H nhắn tin trả lời xin thời gian trả nợ. Theo tài liệu cung cấp (dữ liệu điện tử đã được lập Vi bằng) thì thấy ngày đầu tiên ông T thông báo, nhắn tin yêu cầu ông H trả nợ qua zalo là ngày 14/4/2023. Do đó, xác định ngày 14/7/2023 là ngày "hết thời gian hợp lý". Tuy nhiên, ông T yêu cầu ông H trả tiền lãi suất từ ngày 15/12/2023. Xét thời gian yêu cầu lãi suất chậm trả phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhập. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông H trả tiền lãi từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2026 với lãi suất 10%/năm là (800.000.000 đồng x 10%/năm) x 28 tháng = 186.666.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Hồ Hữu T số tiền lãi tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơm thẩm 24/4/2026 là 186.666.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 41.599.999 đồng (Bốn mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Nghệ An;
- THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hoa